

Bản án số: 04/2024/LĐ-PT

Ngày: 28-5-2024

V/v tranh chấp đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Diệp

Ông Trần Thanh Tông

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Nguyễn Trần An - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 5 và ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLPT-LĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”. Do Bản án Lao động sơ thẩm số: 01/2023/LĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐPT-LĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Công ty Cổ phần T4. Địa chỉ: Số G, T, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hoàng Y - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Tuyết M, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số A, B, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2.2. Công ty Cổ phần T4. Địa chỉ: Ấp E, xã N, huyện B, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Quốc D - Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Khải A, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số C, đường số A, phường H, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

3. Người kháng cáo: nguyên đơn bà Lê Thị H; bị đơn Công ty cổ phần T4; địa chỉ: Số G, T, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần T4; địa chỉ: Ấp E, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn trình bày: Ngày 22/6/2020 giữa bà H và Công ty Cổ phần T4, địa chỉ: Số G, T, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (Công ty Thanh Yên thành phố T4) ký kết hợp đồng lao động, thời hạn 01 năm (22/6/2020 đến 21/6/2021), chức danh trưởng phòng pháp lý, tiền lương 30.000.000 đồng/ tháng (trong đó: lương cơ bản 26.000.000 đồng, tiền com 2.600.000 đồng và tiền điện thoại 1.400.000 đồng).

Cùng thời gian nêu trên bà H và Công ty Cổ phần T4; địa chỉ: Ấp E, xã N, huyện B, tỉnh Long An (Công ty T4) ký kết hợp đồng lao động, thời hạn 01 năm (22/6/2020 đến 21/6/2021), chức danh trưởng phòng pháp lý, tiền lương 30.000.000 đồng/ tháng (trong đó: lương cơ bản 20.000.000 đồng, tiền com 2.600.000 đồng; tiền điện thoại 1.480.000 đồng, xăng xe 2.590.000 đồng và nhà ở 3.330.000 đồng) đã bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thuế thu nhập cá nhân. Địa điểm làm việc cho 02 Công ty là Tòa nhà Thanh Y1 (Số G, T, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh). Sau khi ký kết hợp đồng lao động bà H đi làm việc đến ngày 16/9/2020 thì thẻ xe bị khóa không gửi xe được, bảo vệ Công ty không cho vào, bà có gọi điện thoại báo cho bộ phận nhân sự của 02 Công ty là chị Nguyễn Thị Thủy T và chị Lê Ngọc T1 nhưng không ai nghe máy. Sau đó bà có báo cho người phụ trách nhân sự cao nhất ở nơi làm việc chị Hoàng Thị K bằng cách điện thoại, nhắn tin qua zalo và được bà K trả lời “sẽ điều nhân viên đến giải quyết” nhưng không ai đến nên bà ra về, đoạn tin nhắn giữa bà H và bà K trao đổi qua lại bà có chụp lại màn hình và đã giao nộp cho Tòa án. Bà không vi phạm bất kỳ quy định nào của 02 Công ty, bà H không vào làm việc được do khóa thẻ giữ xe tháng, bảo vệ không cho vào; Công ty khóa cửa; xóa nhận diện khuôn mặt khi vào cửa Công ty; khóa email, hộp thư điện tử và thu hồi máy tính vào ngày 15/9/2020 (do ông Phan Nguyễn Lục Hoàng T2 giao nhận) mà Công ty cấp cho bà, vì máy tính là công cụ làm việc không thể thiếu đối với bà và Công ty có nghĩa vụ cấp theo Hợp đồng lao động.

Trước đó vào ngày 08/9/2020 bà T3 (Tổng giám đốc Công ty Cổ phần T4, Thành phố Hồ Chí Minh) có kêu bà H viết đơn xin nghỉ việc, bà hỏi lý do bà T3 trả lời “Văn hóa giữa bà H và bà T3 không phù hợp”. Bà H không đồng ý và nói nếu Công ty muốn sa thải hay cho nghỉ việc thì ban hành bằng văn bản; tiếp đó bà có trao đổi với ông D đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần T4 về việc bà T3 yêu cầu viết đơn xin nghỉ việc thì ông D nói nếu bà T3 cho nghỉ thì phía Công ty Cổ phần T4 cũng cho nghỉ. Do 02 Công ty có hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên ngày 07-4-2021 bà H khởi kiện yêu cầu:

1. Công ty Cổ phần Thanh Yên thành phố T4 thanh toán và bồi thường các khoản như sau:

- Tiền lương những ngày đã làm việc từ ngày 01/9/2020 đến ngày 15/9/2020: 15.000.000 đồng.

- Tiền lãi chậm thanh toán tiền lương từ ngày 10/10/2020 cho đến ngày Công ty thực hiện xong việc thanh toán, mức 30%/năm trên số tiền 15.000.000 đồng.

- Tiền những ngày chưa nghỉ phép năm là 03 ngày: 4.285.000 đồng.

- Tiền lương cho những ngày không được làm việc do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật từ ngày 16/9/2020 đến 21/6/2021: 278.571.429 đồng.

- Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho thời gian vi phạm hợp đồng lao động (09 tháng): 54.981.000 đồng.

- Bồi thường theo khoản 1, 3 Điều 42 Bộ luật lao động 2012 yêu cầu Công ty trả 40 tháng lương: 1.200.000.000 đồng.

- Thanh toán trợ cấp thôi việc nửa tháng tiền lương: 15.000.000 đồng.

- Tiền vi phạm thời hạn báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: 30.000.000 đồng.

- Hoàn trả tiền cọc thẻ giữ xe: 50.000 đồng.

- Hoàn trả tiền đoàn phí mà Công ty đã tự ý khấu trừ trái pháp luật vào tiền lương: 298.000 đồng.

- Bàn giao văn bản xác nhận của **Bảo Hiểm xã hội quận B** về việc đã chốt sổ bảo hiểm.

- Cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.

2. **Công ty Cổ phần T4** thanh toán và bồi thường các khoản như sau:

- Tiền lương cho những ngày đã làm việc từ ngày 01/9/2020 đến ngày 15/9/2020: 15.000.000 đồng.

- Tiền lãi chậm thanh toán tiền lương từ ngày 10/10/2020 cho đến ngày Công ty thực hiện xong việc thanh toán, mức 30%/năm, trên số tiền 15.000.000 đồng.

- Tiền chưa nghỉ phép năm là 03 ngày: 4.090.909 đồng.

- Tiền lương cho những ngày không được làm việc do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật từ ngày 16/9/2020 đến 21/6/2021: 278.181.818 đồng.

- Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: 76.884.000 đồng.

- Bồi thường theo khoản 1, 3 Điều 42 Bộ luật lao động 2012 yêu cầu Công ty trả 40 tháng lương: 1.200.000.000 đồng.

- Tiền vi phạm thời hạn báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: 30.000.000 đồng.

- Yêu cầu **Công ty Cổ phần T4** cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.

Bà xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bồi thường các vật dụng cá nhân trị giá: 1.000.000 đồng theo văn bản trình bày ý kiến và đơn sửa đổi đơn khởi kiện ngày 25/8/2023.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn **Công ty Cổ phần Thanh Yên Thành phố T4** trình bày:

Không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lý do bà **H** cho rằng không đến Công ty làm việc được là ý kiến cá nhân bà **H** tự đưa ra, các hành

vi mà bà nêu để cho rằng Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là bà tự suy diễn, không có bằng chứng xác thực nên yêu cầu của bà H là không có căn cứ. Đồng thời, Công ty có đơn yêu cầu phản tố vì bà H tự ý nghỉ việc mà không báo trước cho Công ty biết. Do đó, Công ty yêu cầu:

1. Tuyên bố bà H đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.
2. Bà H không được hưởng trợ cấp thôi việc và phải bồi thường cho Công ty nữa tháng tiền lương tương ứng số tiền 15.000.000 đồng.
3. Bồi thường cho Công ty tương ứng 30 ngày không báo trước số tiền 30.000.000 đồng.

Bà mới được tuyển dụng vào Công ty làm việc nên không nắm được thông tin ông Phan Nguyễn Lạc Hoàng T2 có làm việc tại Công ty hay không. Hơn nữa, bà H chỉ nói tên mà không có năm sinh và địa chỉ cụ thể nên Công ty không cung cấp được. Tuy nhiên, sau đó Công ty có văn bản thừa nhận Công ty có nhân viên tên Phan Nguyễn Lạc Hoàng T2 nhưng đã nghỉ việc từ tháng 3/2021.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần T4 trình bày:

Không đồng ý theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì những lý do bà H cho rằng không đến Công ty làm việc được là ý kiến cá nhân bà H tự đưa ra, không có bằng chứng xác thực nên yêu cầu của bà H là không có căn cứ.

Đặc thù của tòa nhà chung cư nơi Công ty đặt văn phòng đại diện có nhiều lối đi và nhiều doanh nghiệp, riêng khu vực doanh nghiệp thì cũng được phân chia tách biệt khu dân cư và doanh nghiệp có những lối đi riêng. Việc chấm công có bộ phận chấm công riêng, ngoài ra cửa ra vào cũng có bộ phận thường trực kiểm soát nhân viên ra vào khi có việc cần gấp, đi công tác thì phải xuất trình lệnh đi công tác không liên quan đến việc chấm công bằng vân tay như bà H nêu.

Thẻ giữ xe thì có bộ phận giữ xe chung cho tòa nhà, ai đến tòa nhà thì cũng có thể gửi xe tại tòa nhà, hàng tháng Công ty trả phí dịch vụ giữ xe cho nhân viên.

Công ty Cổ phần T4 đặt văn phòng đại diện ở Tòa nhà T chung với Công ty Cổ phần T4 (Số G, T, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh). Tuy nhiên, 02 Công ty có 02 Văn phòng làm việc khác nhau, vị trí văn phòng khác nhau, 02 Công ty hoàn toàn độc lập, trả lương riêng. Việc bà H ký kết hợp đồng với 02 Công ty, về tiền lương, phạm vi trách nhiệm, chế độ làm việc hoàn toàn độc lập nhau.

Đối với quyết định của Tòa án cấp cao Thành phố H (bút lục số 170) chỉ đề cập đến việc thu thập tài liệu chứng cứ, mà không đề cập đến vấn đề nội dung tranh chấp. Do đó, về nội dung tranh chấp ông thấy rằng:

Theo lời bà H trình bày, những mâu thuẫn không liên quan đến Công ty mà do tính cách xung đột cá nhân giữa bà H với Công ty Cổ phần T4 (thành phố Hồ Chí Minh). Bằng chứng là từ ngày 16/9/2020 bà H không đến làm việc thì Công ty có liên lạc gửi rất nhiều văn bản cho bà H theo địa chỉ mà bà cung cấp nhưng bà H không đến. Công ty cũng không có bất kỳ hành vi quyết định nào đơn phương chấm dứt hợp đồng với bà H và luôn mong muốn bà H tiếp tục ở lại cống hiến làm việc cho Công ty, đối với các cá nhân bà H nêu, ông khẳng định hoàn toàn không đại diện nhân danh Công ty và Công ty cũng không có ủy quyền những người này làm việc với bà H, hơn nữa các thông tin cá nhân cũng không rõ ràng. Do đó, Công ty đề nghị bà H tiếp tục cung cấp thông tin tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp

luật, nếu có Công ty sẽ có phản hồi theo đúng yêu cầu. Ngoài tài liệu ảnh chụp bà H cung cấp không rõ nguồn khởi tạo giao dịch, các văn bản không có chữ ký đóng dấu của người có thẩm quyền của Công ty, ông khẳng định bà H giao dịch với cá nhân nào Công ty không rõ và không chịu trách nhiệm về các tài liệu này.

Đồng thời, Công ty có đơn yêu cầu phản tố vì bà H tự ý nghỉ việc mà không báo trước cho Công ty biết. Do đó, Công ty yêu cầu:

1. Tuyên bố bà H đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.
2. Bà H có trách nhiệm bồi thường cho Công ty nửa tháng tiền lương tương ứng số tiền 10.000.000 đồng và bồi thường cho Công ty tương ứng 30 ngày không báo trước với số tiền 20.000.000 đồng.

Tại Bản án Lao động sơ thẩm số: 01/2023/LĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xử.

Căn cứ vào Điều 15, 21, 36, 47, 48, 96, 114 và Điều 202 của Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội; khoản 2 Điều 25 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ T5 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ vào Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với Công ty Cổ phần T4; địa chỉ: Số G, T, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần T4; địa chỉ: Số G, T, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền 377.988.000 (ba trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm tám mươi tám nghìn). Trong đó: Tiền lương là 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng; Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 54.036.000 (năm mươi bốn triệu không trăm ba mươi sáu nghìn) đồng; Tiền lương cho những ngày nghỉ phép năm là 14.184.000 (mười bốn triệu một trăm tám mươi bốn nghìn) đồng; Tiền trợ cấp thôi việc là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng và tiền lãi do chậm trả lương là 4.768.000 (bốn triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn) đồng.

1.2. Buộc Công ty Cổ phần T4; địa chỉ: Số G, T, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh có nghĩa vụ giao trả cho bà Lê Thị H: Văn bản xác nhận của Bảo hiểm xã hội về việc chốt sổ bảo hiểm và cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân cho bà H từ tháng 4/2020 đến tháng 8/2020.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với Công ty Cổ phần T4; địa chỉ: Ấp E, xã N, huyện B, tỉnh Long An).

Buộc Công ty Cổ phần T4; địa chỉ: Ấp E, xã N, huyện B, tỉnh Long An có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền 320.676.000 (ba trăm hai mươi triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn). Trong đó: Tiền lương là 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng; Tiền lương những ngày nghỉ phép năm là 10.908.000 (mười triệu chín trăm lẻ tám nghìn) đồng; Tiền trợ cấp thôi việc là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng và tiền lãi do chậm trả lương là 4.768.000 (bốn triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần T4; địa chỉ: Số G, T, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần T4; địa chỉ: Ấp E, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn giải quyết về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

1) Ngày 06 tháng 01 năm 2024, nguyên đơn bà Lê Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng ngoài khoản tiền của bản án sơ thẩm đã tuyên:

- Buộc Công ty Thanh Yên Thành phố T4 phải bồi thường các khoản gồm: 40 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 1.200.000.000 đồng; tiền vi phạm thời hạn báo trước 30.000.000 đồng; tiền lãi do nợ tiền lương với lãi suất 30%/năm; hoàn trả tiền đặt cọc thẻ giữ xe 50.000 đồng; tiền công đoàn phí 298.000 đồng.

- Buộc Công ty T4 phải bồi thường các khoản gồm: 40 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 1.200.000.000 đồng; tiền vi phạm thời hạn báo trước 30.000.000 đồng; tiền lãi do nợ tiền lương với lãi suất 30%/năm; tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (12 tháng x 21,5% x 29.800.000 đồng) = 76.884.000 đồng.

2) Ngày 03 tháng 01 năm 2024, Công ty Thanh Yên Thành phố T4 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H. Buộc bà H bồi thường nửa tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 15.000.000 đồng; tiền tự ý nghỉ việc không báo trước là 30.000.000 đồng. Ngày 19 tháng 01 năm 2024, Công ty Thanh Yên Thành phố T4 có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu sửa/hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H. Buộc bà H bồi thường nửa tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 15.000.000 đồng; tiền tự ý nghỉ việc không báo trước là 30.000.000 đồng.

3) Ngày 04 tháng 01 năm 2024, Công ty T4 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H. Buộc bà H bồi thường nửa tháng tiền lương theo hợp đồng lao động tương ứng là 10.000.000 đồng; tiền tự ý nghỉ việc không báo trước là 20.000.000 đồng. Ngày 19 tháng 01 năm 2024, Công ty T4 có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu sửa/hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H. Buộc bà H bồi thường nửa tháng tiền lương theo hợp đồng lao động tương ứng là 10.000.000 đồng; tiền tự ý nghỉ việc không báo trước là 20.000.000 đồng.

4) Ngày 23 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Kháng nghị số 02/QĐ-VKS-LĐ kháng nghị phúc thẩm Bản án số 01/2023/LĐ-ST ngày 25-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu về xác định quan hệ tranh chấp; căn cứ pháp lý; nghĩa vụ thanh toán tiền trợ cấp thôi việc; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp. Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên Kháng nghị số 02/QĐ-VKS-LĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Do cả 2 công ty đều không áp dụng Hình thức xử lý kỷ luật sa thải đối với bà H theo Điều 126 Bộ luật lao động 2012 nên không có căn cứ xác định bà H đơn phương đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Vì vậy, kháng cáo của cả 2 bị đơn về nội dung này đều không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thu H1, bị đơn Công ty Thanh Yên thành phố T4, Công ty T4 nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà H1 cho rằng Công ty Thanh Yên thành phố T4 và Công ty T4 đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật; bà H1 khởi kiện yêu cầu buộc trả lương và bồi thường thiệt hại khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ là tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, trong đó có tiền lương là đầy đủ, có căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng chưa đầy đủ là không chính xác.

[1.2] Về căn cứ pháp lý: Bản án sơ thẩm căn cứ Điều 15, 21, 36, 47, 48, 96, 114 và Điều 202 của Bộ luật Lao động năm 2012 để giải quyết vụ án là không đúng theo Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 1, 2 Điều 220 Bộ luật Lao động năm 2019. Phải căn cứ vào các Điều luật tương ứng của Bộ luật Lao động năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 để giải quyết vụ án mới đúng. Kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này là có căn cứ nên chấp nhận.

[2] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo, kháng nghị thấy rằng.

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đương sự thừa nhận: ngày 22-6-2020 giữa người lao động bà Lê Thị H và người sử dụng lao động là Công ty T4; địa chỉ: ấp E, xã N, huyện B, tỉnh Long An (Công ty T4) ký kết với nhau hợp đồng lao động số 01/0620/HĐLĐ-TYLA, loại hợp đồng xác định thời hạn 01 năm (từ 22/6/2020 đến ngày 21/6/2021); công việc: Trưởng phòng pháp lý; địa điểm làm việc: số 07, T, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh); lương cơ bản 20.000.000 đồng/tháng, tiền cơm 2.600.000 đồng/ tháng, tiền điện thoại

1.480.000đồng/tháng, tiền xăng 2.590.000đồng/tháng, tiền nhà ở 3.330.000 đồng/tháng, tổng thu nhập: 30.000.000đồng/tháng. Tiền lương đã bao gồm: bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm Y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), thuế thu nhập cá nhân (TNCN). Người lao động chịu trách nhiệm nộp các khoản bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm Y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), thuế thu nhập cá nhân (TNCN) theo quy định của nhà nước. Phương tiện đi lại: tự túc; hình thức trả lương: tiền mặt hoặc chuyển khoản.

[2.2] Ngày 22-6-2020 giữa người lao động bà Lê Thị H và người sử dụng lao động là Công ty Cổ phần T4; địa chỉ: số G, T, Phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (Công ty Thanh Yến Thành phố T4) ký kết với nhau hợp đồng lao động số 02/0620/HĐLĐ-TY, loại hợp đồng xác định thời hạn 01 năm (từ 22/6/2020 đến ngày 21/6/2021); công việc: Trưởng phòng pháp lý; địa điểm làm việc: số 07, T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; lương cơ bản 26.000.000 đồng/tháng, tiền cơm 2.600.000 đồng/tháng, tiền điện thoại 1.400.000đồng/tháng, tổng thu nhập: 30.000.000đồng/tháng. Người lao động đóng 10,5% gồm (bảo hiểm xã hội 8%(BHXH), bảo hiểm Y tế 1,5% (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp 1% (BHTN), nộp thuế thu nhập cá nhân (TNCN) theo quy định của nhà nước. Người sử dụng lao động đóng 21,5% gồm (bảo hiểm xã hội 17,5%(BHXH), bảo hiểm Y tế 3% (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp 1% (BHTN). Phương tiện đi lại: tự túc; hình thức trả lương: tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Như vậy, cùng một lúc bà H ký hợp đồng lao động với hai Công ty, nhưng địa điểm làm việc cùng một chỗ: số 07, T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Phù hợp với Điều 19 của Bộ Luật Lao động năm 2019.

[3] Quá trình thực hiện hai hợp đồng lao động, ngày 16/9/2020 bà H đến làm việc thì bị xóa đăng ký thẻ gửi xe tháng trên hệ thống, bảo vệ không cho vào; Công ty khóa cửa, xóa nhận diện khuôn mặt; khóa email; hộp thư điện tử và thu hồi máy tính do Công ty cấp cho bà. Bà cho rằng Công ty Thanh Yến thành phố T4 và Công ty T4 đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

[3.1] Xét thấy, trước khi ký hợp đồng lao động, ngày 28-4-2020 Công ty Thanh Yến Thành phố T4 có giao cho bà H máy tính để sử dụng, người giao Phan Nguyễn Lục Hoàng T2 (nhân viên của Công ty); ngày 15-9-2020 anh Phan Nguyễn Lục Hoàng T2 là người thu lại máy tính của bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H có đơn yêu cầu thu thập chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình; Tòa án cấp sơ thẩm có văn bản số 273 ngày 28-4-2023 yêu cầu Công ty Thanh Yến thành phố T4 và Công ty T4 cung cấp chứng cứ gồm: bản chi trả tiền lương; trích xuất dữ liệu từ phần mềm việc chấm công; dữ liệu phần mềm khi ra vào cổng công ty; hộp thư điện tử; dữ liệu đăng ký, sử dụng thẻ từ gửi xe của bà H trong thời gian làm việc tại Công ty. Những chứng cứ nêu trên do hai Công ty quản lý, lưu giữ. Cả hai Công ty không cung cấp cho Tòa án là trái với đoạn 1 điểm b Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Công ty Thanh Yến thành phố T4 và Công ty T4 cho rằng bà H tự ý bỏ việc nhưng không có lý do và đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

[3.3] Xét thấy, theo tài liệu thu thập được có trong hồ sơ và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện cho Công ty Thanh Yên Thành phố T4 và Công ty T4 cho rằng sau khi bà H tự ý bỏ việc, cả hai Công ty ban hành nhiều Thông báo yêu cầu bà H trở lại làm việc, Thông báo gửi qua đường B, hộp thư điện tử. Bà H không thừa nhận, cả hai Công ty không đưa ra được chứng cứ, chứng minh là đã gửi qua hộp thư điện tử cho bà H. Cả hai Công ty cho rằng bà H đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, nhưng không ban hành Thông báo về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà H (Điều 45 của Bộ Luật Lao động).

[3.4] Ngày 20-11-2021, Bảo hiểm xã hội quận B, thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số: 313/BHXH-7906 xác định: “Bà Lê Thị H, mã số BHXH 0206172978, tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tại Công ty T4 từ tháng 7/2020 đến tháng 9/2020. Từ tháng 10/2020 đến tháng 6/2021 nghỉ không lương theo hồ sơ giảm số 111123/2020/07906 Công ty nộp ngày 28-9-2020. Ngày 29-6-2021 Công ty cổ phần T4 lập hồ sơ số 65353/2021/07906 bảo giảm không tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN từ tháng 7/2021” (BL 138). Công ty Thanh Yên thành phố T4 và Công ty T4 cho rằng bà H bỏ việc đơn phương chấm dứt hợp đồng, nhưng lại thông báo cho cơ quan Bảo hiểm xã hội bà H xin nghỉ không hưởng lương, để không đóng bảo hiểm cho bà H, trong khi bà H không có đơn xin nghỉ không hưởng lương. Bà H cho rằng Công ty Thanh Yên thành phố T4 và Công ty T4 không cho bà vào làm việc, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với bà H là có căn cứ.

[3.5] Ngày 21-6-2021 Công ty T4 ban hành Thông báo về việc không tái ký Hợp đồng lao động số 01/0621/TB-TYLA-HCNS với nội dung: “Thông báo hợp đồng lao động số 01/0620/HĐLĐ-TYLA ngày 22-6-2020 giữa bà Lê Thị H với Công ty T4 đến ngày 21-6-2021 sẽ kết thúc, Công ty không tiếp tục ký hợp đồng lao động với bà. Công ty C sự cộng tác của bà trong thời gian làm việc tại công ty; bà vui lòng sắp xếp và bàn giao công việc đầy đủ, chi tiết trước khi nghỉ việc cho người tiếp nhận”.

[3.6] Ngày 21-6-2021 Công ty Thanh Yên thành phố T4 ban hành Thông báo về việc không tái ký Hợp đồng lao động số 07/0621/TB-TY-HCNS với nội dung: “Thông báo hợp đồng lao động số 02/0620/HĐLĐ-TY ngày 22-6-2020 giữa bà Lê Thị H với Công ty Thanh Yên Thành phố T4 đến ngày 21-6-2021 sẽ kết thúc, Công ty không tiếp tục ký hợp đồng lao động với bà. Công ty C sự cộng tác của bà trong thời gian làm việc tại công ty; bà vui lòng sắp xếp và bàn giao công việc đầy đủ, chi tiết trước khi nghỉ việc cho người tiếp nhận”.

Như vậy, có căn cứ xác định bà H đã thực hiện xong Hợp đồng lao động số 01/0620/HĐLĐ-TYLA ngày 22-6-2020 giữa bà Lê Thị H với Công ty T4 và hợp đồng lao động số 02/0620/HĐLĐ-TY ngày 22-6-2020 giữa bà Lê Thị H với Công ty Thanh Yên thành phố T4 thì bà H đã hoàn thành công việc theo hợp đồng.

Công ty T4 và Công ty Thanh Yên thành phố T4 có đơn khởi kiện (đơn phản tố) ngày 09-6-2022 và ngày 20-7-2022 cho rằng bà H đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật từ ngày 16-9-2020 và yêu cầu bà H bồi thường thiệt hại là không có căn cứ (Điều 36 của Bộ Luật Lao động).

Tính đến ngày Công ty T4 và Công ty Thanh Yên thành phố T4 có đơn khởi kiện (đơn phản tố) ngày 09-6-2022 và ngày 20-7-2022, thì thời hiệu khởi kiện đã hết; bà H có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện là có căn cứ theo điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, yêu cầu kháng cáo của Công ty T4 và Công ty Thanh Yên Thành phố T4 là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[4] Công ty T4 và Công ty Thanh Yên thành phố T4 đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với bà H theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 36; Điều 39 của Bộ Luật Lao động, cho nên phải có nghĩa vụ trả cho bà H các khoản tiền theo quy định tại Điều 41 của Bộ Luật Lao động. Cụ thể:

[4.1] Công ty Thanh Yên thành phố T4 phải trả cho bà H gồm:

- Tiền lương cho những ngày đã làm việc (từ ngày 01/9/2020 đến ngày 15/9/2020) và tiền lương trong những ngày không làm việc cho đến khi hết thời hạn hợp đồng lao động (từ ngày 16/9/2020 đến ngày 21/6/2021) là 09 tháng 20 ngày. (30.000.000 đồng/tháng x 9 tháng 20 ngày = 290.000.000 đồng).

- Phải trả thêm cho bà H một khoản tiền ít nhất bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 60.000.000 đồng.

- Tiền vi phạm thời hạn báo trước theo khoản 2 Điều 36 của Bộ Luật Lao động là 30.000.000 đồng.

- Tiền lương những ngày nghỉ phép năm mà bà H chưa nghỉ là 12 ngày x 1.182.000 đồng = 14.184.000 đồng.

- Bàn giao văn bản xác nhận của Bảo hiểm xã hội về việc chốt sổ bảo hiểm cho bà H và cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân cho bà H từ tháng 4/2020 đến tháng 8/2020.

- Riêng tiền BHXH, BHYT, BHTN, theo thỏa thuận tại khoản 1 Điều 4 Hợp đồng lao động “Người sử dụng lao động đóng 21,5 %”. Theo Điều 17 Luật bảo hiểm xã hội; điểm 2.4 khoản 2 Điều 2; Điều 38 của Quy trình thu Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ Bảo hiểm xã hội, thẻ Bảo hiểm Y tế ban hành kèm theo Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc B và khoản 1 Điều 41 của Bộ Luật Lao động. Toàn bộ tiền BHXH, BHYT, BHTN, Công ty Thanh Yên Thành phố T4 phải đóng cho cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Công ty Thanh Yên Thành phố T4 có nghĩa vụ chi trả cho bà H từ tháng 9/2020 đến tháng 6/2021 số tiền 54.036.000 đồng là không đúng.

- Về tiền trợ cấp thôi việc: Bà H không đủ điều kiện được hưởng trợ cấp thôi việc theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật lao động. Bởi lẽ: hợp đồng lao động được ký kết giữa bà H và Công ty cổ phần T4 thời hạn 12 tháng, đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ khi ký kết hợp đồng.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 8 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, quy định:

“ 3. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ

đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trong đó:

...

b) Thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp bao gồm: thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian người lao động thuộc diện không phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật nhưng được người sử dụng lao động chi trả cùng với tiền lương của người lao động một khoản tiền tương đương với mức người sử dụng lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm thất nghiệp”. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty Thanh Yên thành phố T4 có nghĩa vụ thanh toán nửa tháng lương 15.000.000 đồng tiền trợ cấp thôi việc cho bà H là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Lao động.

[4.2] Công ty T4 phải trả cho bà H gồm:

- Tiền lương cho những ngày đã làm việc (từ ngày 01/9/2020 đến ngày 15/9/2020) và tiền lương cho những ngày không làm việc cho đến khi hết thời hạn hợp đồng lao động (từ ngày 16/9/2020 đến ngày 21/6/2021) là 09 tháng 20 ngày: 30.000.000 đồng/ tháng x 9 tháng 20 ngày = 290.000.000 đồng, đã bao gồm BHXH, BHYT, BHTN, thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Hợp đồng lao động.

- Phải trả thêm cho bà H một khoản tiền ít nhất bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 60.000.000 đồng.

- Tiền vi phạm thời hạn báo trước theo khoản 2 Điều 36 của Bộ Luật Lao động là 30.000.000 đồng.

- Tiền lương những ngày nghỉ phép năm mà bà H chưa nghỉ là 12 ngày x 909.000 đồng = 10.908.000 đồng.

- Tiền trợ cấp thôi việc tại Điều 4 của hợp đồng thể hiện “tiền lương đã bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Người lao động chịu trách nhiệm nộp các khoản BHXH, BHYT, BHTN và thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Nhà nước.”

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 8 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, quy định:

“ 3. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trong đó:

...

b) Thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp bao gồm: thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian người lao động thuộc diện không phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật nhưng được người sử dụng lao động chi trả

cùng với tiền lương của người lao động một khoản tiền tương đương với mức người sử dụng lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm thất nghiệp”. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Công ty T4 có nghĩa vụ thanh toán nửa tháng lương 15.000.000 đồng tiền trợ cấp thôi việc là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Lao động.

[5] Đối với yêu cầu tính tiền lãi do chậm trả tiền lương: bà H yêu cầu 02 Công ty trả tiền lãi do chậm thanh toán tiền lương từ ngày 01/9/2020 đến ngày 15/9/2020 với số tiền 15.000.000 đồng, mức lãi suất 30%/năm từ ngày 16/10/2020 đến ngày xét xử.

Căn cứ khoản 4 Điều 97 của Bộ Luật Lao động quy định: “*Trường hợp chậm trả lương từ 15 ngày trở lên thì người sử dụng lao động phải đền bù cho người lao động một khoản tiền ít nhất bằng số tiền lãi của số tiền trả chậm tính theo lãi suất huy động vốn tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng nơi người dụng lao động mở tài khoản trả lương cho người lao động công bố tại thời điểm trả lương*”.

Tại thời điểm tháng 9 năm 2020, lãi suất huy động vốn tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, Ngân hàng N là 3,5%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án 02 Công ty đều thừa nhận chưa trả tiền lương cho những ngày bà H đã làm việc (từ ngày 01/9/2020 đến ngày 15/9/2020). Do đó, cần buộc mỗi Công ty Thanh Yên thành phố T4 và Công ty T4 phải trả thêm cho bà H khoản tiền lãi cụ thể:

[5.1] Công ty Thanh Yên thành phố T4 phải trả tiền lãi chậm trả tiền lương cho bà H từ ngày 16/10/2020 đến ngày 25/12/2023 là 38 tháng 09 ngày x 15.000.000 đồng x 0,29%/tháng = 1.666.000 (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

[5.2] Công ty T4 phải trả tiền lãi chậm trả tiền lương cho bà H từ ngày 16/10/2020 đến ngày 25/12/2023 là 38 tháng 09 ngày x 15.000.000 đồng x 0,29%/tháng = 1.666.000 (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

[6] Đối với yêu cầu trả tiền cọc thẻ giữ xe và hoàn trả tiền đoàn phí: Xét thấy, bà H không cung cấp được giấy tờ chứng minh có giao nhận tiền cọc thẻ giữ xe và tại khoản 1 Điều 4 của hợp đồng lao động thỏa thuận “*Kinh phí công đoàn: Thực hiện theo quy định của nhà nước*” nên yêu cầu của bà H là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Từ những phân tích nêu trên xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà H có căn cứ một phần nên chấp nhận. Yêu cầu kháng cáo của Công ty Thanh Yên thành phố T4 và Công ty T4 không có căn cứ nên không chấp nhận. Chấp nhận một phần Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh. Sửa Bản án sơ thẩm.

[8] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn; chấp nhận toàn bộ Kháng nghị của Viện kiểm sát. Xét thấy, chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

[9] Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: bà H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12; Công ty Thanh Yên thành phố T4, Công ty T4 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 của Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về tiền án phí dân sự phúc thẩm: bà H được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm theo Điều 12; Công ty Thanh Yên thành phố T4, Công ty T4 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Những phần của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 19, 36, 39, 41, 46, 97 của Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn của bà Lê Thị H; chấp nhận một phần Kháng nghị số 02/QĐ-VKS-LĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần T4; địa chỉ: số G, T, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần T4; địa chỉ: ấp E, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

2. Sửa Bản án sơ thẩm số: 01/2023/LĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với bị đơn: Công ty cổ phần T4; địa chỉ: số G, T, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần T4; địa chỉ: ấp E, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

3.1. Buộc Công ty cổ phần T4; địa chỉ: số G, T, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phải trả cho bà Lê Thị H số tiền: 395.850.000 (ba trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi nghìn) đồng. Trong đó (Tiền lương những ngày đã làm việc và tiền lương trong những ngày không làm việc là 290.000.000 đồng; một khoản tiền ít nhất bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 60.000.000 đồng; tiền vi phạm thời hạn báo trước 30.000.000 đồng; tiền lương những ngày nghỉ phép năm là 14.184.000 đồng; tiền lãi chậm trả tiền lương 1.666.000) đồng). Buộc bàn giao văn bản xác nhận của Bảo hiểm xã hội về việc chốt sổ bảo hiểm cho bà H và cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân cho bà H từ tháng 4/2020 đến tháng 8/2020.

3.2. Buộc Công ty cổ phần T4; địa chỉ: ấp E, xã N, huyện B, tỉnh Long An phải trả cho bà Lê Thị H số tiền: 392.574.000 (ba trăm chín mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng. Trong đó (Tiền lương cho những ngày đã làm việc và tiền lương cho những ngày không làm việc là 290.000.000 đồng; một khoản tiền ít nhất bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 60.000.000

đồng; tiền vi phạm thời hạn báo trước là 30.000.000 đồng; tiền lương những ngày nghỉ phép năm là 10.908.000 đồng; tiền lãi chậm trả tiền lương 1.666.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần T4; địa chỉ: Số G, T, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần T4; địa chỉ: ấp E, xã N, huyện B, tỉnh Long An về việc yêu cầu bà Lê Thị H bồi thường thiệt hại.

5. Về tiền án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Bà Lê Thị H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Công ty cổ phần Thanh Yên thành phố T4; địa chỉ: Số G, T, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 19.792.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 675.000 đồng theo biên lai thu số 0022742 ngày 12-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Công ty cổ phần T4; địa chỉ: Số G, T, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh còn phải nộp số tiền 19.175.500 đồng.

5.3. Công ty cổ phần T4; địa chỉ: ấp E, xã N, huyện B, tỉnh Long An phải chịu 19.628.700 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 450.000 đồng theo biên lai thu số 0022759 ngày 05-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Công ty cổ phần T4; địa chỉ: Ấp E, xã N, huyện B, tỉnh Long An còn phải nộp số tiền 19.178.700 đồng.

6. Về tiền án phí dân sự phúc thẩm:

6.1. Công ty cổ phần Thanh Yên Thành phố T4; địa chỉ: Số G, T, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012104 ngày 16-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu (đã nộp xong).

6.2. Công ty cổ phần T4; địa chỉ: Ấp E, xã N, huyện B, tỉnh Long An phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012105 ngày 16-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu (đã nộp xong).

7. Những phần của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Bến Cầu, Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng

4.1. Buộc Công ty cổ phần Thanh Yên (Địa chỉ: Số 07, Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh) phải chịu 18.899.400 (mười tám triệu tám trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 675.000 (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0022742 ngày 12-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Như vậy Công ty cổ phần Thanh Yên (Địa chỉ: Số 07, Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh) còn phải nộp số tiền 18.224.400 (mười tám triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm) đồng.

4.2. Buộc Công ty cổ phần Thanh Yên (Địa chỉ: Ấp 5, xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An) phải chịu 16.034.000 (mười sáu triệu không trăm ba mươi bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0022759 ngày 05-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Như vậy Công ty cổ phần Thanh Yên (Địa chỉ: Ấp 5, xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An) còn phải nộp số tiền 15.584.000 (mười lăm triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn) đồng.

4.3. Bà Lê Thị Hà được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 315.000 (ba trăm mười lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0022630 ngày 10-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo trình tự phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Hà và người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Thanh Yên (Địa chỉ: Số 07, Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh) vắng mặt trong ngày tuyên án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

